

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

ĐỖ THU THOM

PHÁT TRIỂN VĂN HÓA ĐỌC
CHO SINH VIÊN HỌC VIỆN CẢNH SÁT NHÂN DÂN

Chuyên ngành: Khoa học Thư viện
Mã số: 60 32 20

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ (Ngành): Thông tin – Thư viện

HÀ NỘI – 2011

Công trình được hoàn thành tại: Học viện CSND – Cổ Nhuế - Từ Liêm –Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: TSKH Nguyễn Thị Đông

Phản biện 1: TS. Nguyễn Huy Chương.

Đại Học Quốc Gia Hà Nội.

Phản biện 2: TS. Nguyễn Thu Thảo

Cục TTKH & Công nghệ Quốc Gia

L luận văn sẽ được bảo vệ trước hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp tại:

Văn phòng khoa Thông tin Thư viện tầng 4 nhà trường ĐH KHXH & NV. 336 Nguyễn
Trãi - Thanh Xuân – Hà Nội. 15giờ, ngày 23 tháng 12 năm 2011.

Cã thỏ t m hi  u lu  n v  n t  i:

- Trung tâm thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Văn hóa đọc có vị trí quan trọng trong đời sống của mỗi con người. Mặc dù trong những năm gần đây, trước sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của các phương tiện thông tin đại chúng và công nghệ thông tin hiện đại, đặc biệt là công nghệ mạng, đọc sách vẫn là hình thức thông dụng để con người tiếp nhận thông tin và tri thức. Đọc làm cho các cá nhân trong xã hội trở thành những công dân có sức mạnh tinh thần, giải phóng khỏi những hạn chế về mặt xã hội, pháp lý, và tâm lý cá nhân, đồng thời việc đọc cũng giúp con người đến gần nhau hơn.

Văn hoá đọc, với tư cách là văn hoá hành vi của mỗi cá nhân, biểu hiện ở khả năng lựa chọn sách, kỹ năng đọc và lĩnh hội tri thức, cũng như thái độ ứng xử với sách báo, thể hiện rõ đặc điểm tâm lý và nhân cách của mỗi cá nhân, được hình thành từ tuổi ấu thơ và phát triển trong suốt cuộc đời mỗi con người. Trên thế giới, người ta khẳng định văn hoá đọc có liên quan mật thiết đến sự phát triển năng lực nhận thức, bản lĩnh học tập và làm việc của mỗi cá nhân.

Ở nước ta, những năm gần đây, vấn đề giáo dục văn hoá đọc đã được xã hội quan tâm và chú trọng.

Trước yêu cầu đổi mới của xã hội, của công tác giáo dục đào tạo năm 2010, được sự thông nhất cao của Đảng ủy và Ban giám đốc, Học viện Cảnh sát nhân dân đã công bố quyết định áp dụng phương thức đào tạo theo tín chỉ tại Học viện.

Có thể nói, ở Việt Nam hiện nay, vấn đề văn hoá đọc và phát triển văn hoá đọc nói chung đã được xã hội hết sức quan tâm nghiên cứu, nhưng chưa có công trình nào đề cập tới vấn đề phát triển văn hoá đọc sinh viên ngành Công an nói chung và sinh viên Học viện nói riêng. Chính vì vậy, vấn đề **“Phát triển văn hóa đọc cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân”** được chọn làm đề tài luận văn thạc sỹ chuyên ngành Khoa học Thư viện, nhằm góp phần tăng cường phát triển văn hoá đọc cho sinh viên Học viện, đáp ứng yêu cầu đổi mới toàn diện giáo dục đào tạo của Học viện, cũng như áp dụng Chuẩn đầu ra của sinh viên Học viện trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin truyền thông và hội nhập quốc tế.

2. Tình hình nghiên cứu

Vấn đề văn hóa đọc và phát triển văn hóa đọc những năm gần đây đã được các nước trên thế giới hết sức quan tâm và đã có những hoạt động cụ thể nhằm tôn vinh, giữ gìn và phát huy văn hóa đọc trong thời đại bùng nổ thông tin. Việc khẳng định vai trò của sách, xác định các giải pháp cho phát triển văn hóa đọc là việc là vô cùng cần thiết và cấp bách của mọi quốc gia, trong đó có Việt Nam.

Khảo sát tài liệu cho thấy, thuật ngữ *"Văn hóa đọc"* là khái niệm còn mới mẻ, chưa có tài liệu nào định nghĩa văn hóa đọc là gì và nội hàm của nó như thế nào [Error! Reference source not found.]. Mặc dù vậy, theo thời gian và sự phát triển của xã hội, thuật ngữ *"Văn hóa đọc"* ngày càng được nói tới nhiều hơn trên các phương tiện thông tin đại chúng và trở thành đề tài khoa học để nghiên cứu và thảo luận.

Trong giới thư viện học, đã có nhiều công trình nghiên cứu về văn hoá đọc như, *“Đẩy mạnh văn hóa đọc trong thời đại công nghệ thông tin”* của Trần Văn Hà [Error! Reference source not found.]; *“Văn hóa đọc và vấn đề đặt ra hiện nay”* của tác giả Phạm

Thanh Tâm [Error! Reference source not found.]; “*Bàn thêm về văn hóa đọc*” của tác giả Lê Văn Bài [Error! Reference source not found.]; “*Giáo dục văn hoá đọc cho lứa tuổi thiếu nhi*” của TS. Trần Thị Minh Nguyệt [Error! Reference source not found.]; cũng như các công trình nghiên cứu khác được trình bày tại tọa đàm về văn hoá đọc của người Việt Nam [Error! Reference source not found.].

Ngoài ra, vấn đề văn hoá đọc cũng được đề cập trong các luận văn thạc sỹ chuyên ngành Văn hoá học và Thư viện học, như: “*Nghiên cứu văn hoá đọc của học sinh tiểu học trên địa bàn thành phố Hà Nội*” của tác giả Nguyễn Như Ngọc, luận văn thạc sỹ khoa học thư viện, đại học Văn hoá, năm 2009; “*Nghiên cứu phát triển văn hoá đọc cho học sinh phổ thông bậc trung học cơ sở tỉnh Cà Mau*” của tác giả Lê Mộng Đài Trang, luận văn thạc sỹ khoa học thư viện, đại học Văn hoá, năm 2007; “*Nghiên cứu phát triển văn hoá đọc cho học sinh phổ thông tiểu học trong thư viện tại thủ đô Viên Chăn*” của tác giả Onta samuntry, Luận văn thạc sỹ khoa học thư viện, Đại học Văn hoá...

3.Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích:

Luận văn tập trung nghiên cứu thực trạng văn hóa đọc của sinh viên tại Học viện Cảnh sát nhân dân, trên cơ sở này đưa ra các giải pháp định hướng phát triển văn hóa đọc.

Nhiệm vụ:

Để thực hiện mục tiêu trên, luận văn có những nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu cơ sở thực tiễn của văn hóa đọc, xem xét vai trò và tác động của văn hoá đọc trong nâng cao chất lượng quá trình học tập của sinh viên Học viện.
- Khảo sát, phân tích, đánh giá thực trạng văn hóa đọc của sinh viên tại Học viện.
- Đề xuất các giải pháp định hướng phát triển văn hóa đọc cho sinh viên tại Học viện.

4.Tình hình nghiên cứu

Đã có các công trình nghiên cứu của những chuyên gia đầu ngành và một số luận văn thạc sỹ chuyên ngành Khoa học Thư viện học.

Tuy nhiên, đề tài này hoàn toàn mới và không trùng lặp với các công trình nghiên cứu trước đó.

5.Giả thuyết nghiên cứu

Nếu chú trọng phát triển văn hóa đọc trong các Trung tâm Thư viện đại học nói chung và các trường thuộc lực lượng vũ trang nói riêng thì chất lượng học tập của sinh viên sẽ được cải thiện, đồng thời chất lượng giáo dục và đào tạo sẽ được nâng cao rõ nét

6.Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Văn hóa đọc của sinh viên.

Phạm vi nghiên cứu: Văn hóa đọc của sinh viên tại Học viện Cảnh sát nhân dân trong giai đoạn đổi mới Giáo dục và đào tạo từ 2007 đến nay.

7.Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu và giải quyết các nhiệm vụ đặt ra của Luận văn, tác giả đã vận dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

Các quan điểm mới của Đảng và Nhà nước về vấn đề giáo dục - văn hoá - xã hội.

- Phân tích, tổng hợp tài liệu;
- Điều tra bằng phiếu hỏi;
- Quan sát thực tế, trao đổi trực tiếp với đối tượng nghiên cứu;
- Thống kê phân tích số liệu.

8. Ý nghĩa khoa học và ứng dụng của đề tài

Ý nghĩa khoa học của đề tài

Trên cơ sở tổng hợp, phân tích tài liệu kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học, luận văn góp phần làm sáng tỏ khái niệm văn hóa đọc và biểu hiện của văn hóa đọc, cũng như các yếu tố tác động đến việc phát triển văn hóa đọc trong sinh viên nói chung và sinh viên các trường thuộc lực lượng vũ trang nói riêng.

Ý nghĩa ứng dụng của đề tài.

Các kết quả nghiên cứu và các đề xuất giải pháp của luận văn sẽ là căn cứ khoa học và thực tiễn để lãnh đạo nhà trường, cũng như Trung tâm xây dựng có kế hoạch, xác định các biện pháp khả thi cho phát triển văn hóa đọc trong toàn sinh viên thuộc Học viện. Ngoài ra, các kết quả nghiên cứu của luận văn cũng có thể là tài liệu tham khảo thiết thực cho mọi người có quan tâm về vấn đề này.

9. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung luận văn gồm 3 chương sau:

Chương 1: Văn hóa đọc với sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân

Chương 2: Thực trạng văn hóa đọc của sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân.

Chương 3: Giải pháp phát triển văn hóa đọc cho sinh viên tại Học viện Cảnh sát nhân dân

Chương 1

VĂN HÓA ĐỌC VỚI SINH VIÊN HỌC VIỆN CẢNH SÁT NHÂN DÂN

1.1. Những vấn đề chung về văn hóa đọc

1.1.1. Khái niệm văn hóa và văn hóa đọc

Văn hoá đọc là một phần của khái niệm văn hoá, vì thế, trước khi tìm hiểu thế nào là văn hoá đọc cần xác định khái niệm văn hoá

Theo định nghĩa phổ biến của UNESCO, năm 2002, khái niệm “*Văn hóa*” được đưa ra như sau: “ *Văn hóa nên được đề cập đến như tập hợp của các đặc trưng về tâm hồn, vật chất, tri thức và xúc cảm của một xã hội hay một nhóm người trong xã hội và nó chứa đựng ngoài văn hóa và nghệ thuật, cả cách sống, phương thức chung sống, hệ thống giá trị, truyền thống và đức tin*”.

Hiện nay, trên thế giới cũng như ở Việt Nam, có nhiều cách hiểu khác nhau về văn hóa đọc. Trong giới thư viện học quốc tế, hiểu văn hoá đọc như là một bộ phận trong văn hoá theo nghĩa rộng của mỗi cá nhân, bao gồm một tổ hợp các thói quen làm việc với sách

từ việc chọn lựa có ý thức về đề tài, tính hệ thống và tính kế thừa, kỹ năng biết tìm các tài liệu cần thiết với sự giúp đỡ của các ấn phẩm thư mục, sử dụng bộ máy tra cứu, định hướng trong tài liệu với mục đích lĩnh hội tối đa và cảm thụ sâu sắc những gì đã đọc, đến việc áp dụng những nội dung lĩnh hội qua đọc các lĩnh vực hoạt động của mình, làm phong phú thêm đời sống

Ngoài ra, khái niệm “*Văn hóa đọc*” cũng được định nghĩa khái quát theo hai khuynh hướng chính. Khuynh hướng thứ nhất, coi văn hoá đọc đồng nghĩa với nhu cầu đọc (đọc cái gì), đây là quan niệm tương đối phổ biến ở nước ta hiện nay. Khuynh hướng thứ hai, coi văn hoá đọc không chỉ là *đọc cái gì* mà còn chủ yếu là *đọc như thế nào, lĩnh hội và cảm thụ nội dung tài liệu ở mức độ nào*, đồng thời *bao hàm cả thái độ ứng xử với tài liệu* của người đọc [Error! Reference source not found.]. Nếu như ở khuynh hướng thứ nhất, khái niệm “*Văn hóa đọc*” được đồng nghĩa với một yếu tố nội hàm của văn hóa đọc, thì ở khuynh hướng thứ hai khái niệm “*Văn hóa đọc*” được xem xét với nội hàm đa dạng, tổng hợp và bao quát hơn, coi văn hóa đọc với tư cách là một cấu thành văn hóa hành vi của con người. Khuynh hướng này đồng thời cũng tương ứng với khái niệm “*Văn hóa đọc*” ở nghĩa hẹp (ứng xử, giá trị và chuẩn mực đọc của mỗi cá nhân), nghĩa là, xem xét đầy đủ cả ba yếu tố cơ bản cấu thành văn hóa đọc của từng cá nhân.

1.1.2. Chức năng của văn hóa đọc

Như vậy, việc đọc sách có tác dụng biến đổi, hoàn thiện tư duy và ý thức người đọc, cũng như có tác dụng biến đổi và hoàn thiện thế giới nội tâm của chủ thể đọc, do đó có ảnh hưởng đến hành vi người đọc, đến trình độ văn hóa người đọc trong lao động và trong sinh hoạt, đến hoạt động xã hội của người đọc, có tác dụng hình thành con người mới, con người xây dựng xã hội tiên tiến

Về mặt xã hội, văn hoá đọc góp phần nâng cao tố chất con người

Trong thời đại kinh tế tri thức nếu văn hoá đọc không phát triển, con người không tiếp thu kịp thông tin và tri thức, vốn văn hoá hạn chế và lạc hậu thì không thể phát triển và hội nhập xã hội hóa toàn cầu.

Chức năng của văn hoá đọc không chỉ bó hẹp trong việc tìm kiếm tri thức để sinh tồn.

Đối với cá nhân, văn hoá đọc giữ chức năng định hướng, giúp hình thành và phát triển nhân cách cho mỗi người

1.1.3. Những biểu hiện của văn hóa đọc

Những biểu hiện của văn hóa đọc được tác giả tập trung xem xét trong Luận văn bao gồm ba yếu tố cơ bản cấu thành văn hóa đọc của mỗi cá nhân và được thể hiện ở các nội dung sau: (1) Nhu cầu đọc, hứng thú đọc (đọc cái gì); (2) kỹ năng đọc, khả năng lĩnh hội nội dung đọc (đọc như thế nào); (3) thái độ ứng xử với tài liệu của chủ thể đọc. Phần này được thể hiện trong luận văn từ trang 19 đến trang 25

1.1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa đọc

Văn hóa đọc của các nhóm đối tượng người đọc cụ thể khác nhau chịu sự chi phối bởi các yếu tố tác động khác nhau. Đối với sinh viên, các yếu tố cơ bản có tác động tới văn hóa đọc bao gồm: Môi trường học tập; đặc điểm xuất bản phẩm; hoạt động thông tin-thư viện;

công nghệ thông tin và truyền thông. Phần này được thể hiện trong luận văn từ trang 25 đến trang 37

1.2. Học viện Cảnh sát nhân dân trước yêu cầu phát triển văn hóa đọc

1.2.1. Khái quát về Học viện Cảnh sát nhân dân

Học viện Cảnh sát Nhân dân, sau đây gọi tắt là Học viện có tiền thân là Khoa Cảnh sát nhân dân, thuộc trường Công an Trung ương, được thành lập ngày 15 tháng 5 năm 1968. Học viện là cơ sở đào tạo đại học, sau đại học cho đội ngũ cán bộ thuộc lực lượng công an nhân dân (CAND).

Đến nay, Học viện Cảnh sát nhân dân đã trải qua hơn 40 năm xây dựng và phát triển. Chặng đường tuy chưa dài so với lịch sử phát triển của đất nước, lịch sử đấu tranh của lực lượng CAND, nhưng cũng đủ thời gian ghi nhận và khẳng định công lao to lớn của các thế hệ thầy - trò của Học viện đối với sự nghiệp đào tạo của ngành, góp phần không nhỏ vào giữ gìn trật tự an toàn xã hội mà Đảng và Nhà nước tin cậy giao phó.

1.2.2. Đổi mới giáo dục đào tạo và yêu cầu phát triển văn hóa sinh viên thuộc Học viện.

Nghị quyết 14/2005/NQ-CP về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020 đã nhấn mạnh việc “*Xây dựng và thực hiện lộ trình chuyển đổi sang chế độ đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tạo điều kiện thuận lợi để người học tích lũy kiến thức, chuyển đổi ngành nghề, liên thông, chuyển tiếp tới các cấp học tiếp theo ở trong nước và nước ngoài*”. Thực hiện chủ trương này, ngày 15/08/2007, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT về Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ hệ chính quy. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để các cơ sở giáo dục đại học có lộ trình chuyển đổi sang phương thức đào tạo mới đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Nghị quyết chuyên đề về đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập giai đoạn 2008 - 2013 của Đảng ủy Học viện đã xác định “*chủ động đảm bảo các điều kiện cần thiết cho việc áp dụng phương pháp đào tạo theo học chế tín chỉ*”. Đồng thời, Kế hoạch đổi mới phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ cũng đã được Học viện đưa ra trong Đề án công tác năm học 2008 - 2009. Theo đó, việc áp dụng phương pháp giảng dạy và học tập mới tại Học viện được thống nhất thực hiện từ năm 2010.

**Cơ cấu tổ chức của Học viện*

**Đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục*

**Cơ sở vật chất và trang thiết bị*

1.2.3. Trung tâm Thông tin khoa học và Tư liệu giáo khoa trong đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa đọc cho sinh viên Học viện

Trung tâm Thông tin khoa học và Tư liệu giáo khoa, sau đây gọi tắt là Trung tâm, có tiền thân là tổ Tư liệu giáo khoa trực thuộc Ban giám hiệu. Năm 1968 khi Trường mới được thành lập, cơ sở vật chất và trang thiết bị của Trung tâm còn rất thô sơ, vốn tài liệu hạn chế với 3 cán bộ.

Sau đó, theo quyết định số 16/QĐ-TC, ngày 24/4/1973 của Ban giám hiệu, Phòng Tư liệu giáo khoa được thành lập.

Năm 2001, khi trường Đại học CSND chuyển thành Học viện CSND, Phòng Tư liệu giáo khoa được đổi tên thành Trung tâm Thông tin khoa học và Tư liệu Giáo khoa. Số lượng cán bộ thư viện đã tăng lên thành 37 người. Được sự quan tâm của Ban giám đốc Học viện, Trung tâm được trang bị các máy móc và trang thiết bị hiện đại, cần thiết cho phát triển hoạt động thư viện theo hướng điện tử hóa. Trung tâm đã ứng dụng phần mềm tích hợp Libol 5.0 vào tin học hóa các khâu công tác, hỗ trợ cán bộ thư viện trong xử lý biên mục tài liệu, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để bạn đọc có thể tra cứu mục lục trực tuyến OPAC nhanh chóng và thuận lợi.

(i) Chức năng và nhiệm vụ

(ii) Cơ cấu tổ chức bộ máy

(iii) Đội ngũ cán bộ

(iv) Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị của Trung tâm

(v) Vai trò của Trung tâm trong hình thành và phát triển văn hóa đọc cho sinh viên Học viện

1.3. Đặc điểm của sinh viên Học viện Cảnh sát Nhân dân

1.3.1. Đặc điểm hoạt động của sinh viên Học viện

Với vị thế là Học viện đầu ngành trong lĩnh vực Công an, nơi đào tạo nguồn nhân lực có trình độ đội ngũ cán bộ lên các lĩnh vực bảo vệ an ninh, trật tự xã hội, đấu tranh phòng chống tội phạm. Sinh viên thuộc Học viện cũng có những điểm khác biệt so với sinh viên các trường đại học khác. Ngoài những đặc thù về tâm sinh lý lứa tuổi, sinh viên Học viện còn có những đặc điểm khác do tác động của môi trường đào tạo vũ trang, có tính chất nghiêm túc, kỷ luật. Sinh viên được quản lý chặt chẽ, bắt buộc phải trú trong doanh trại, các hoạt động sinh hoạt ăn, ở đều phải thực hiện theo qui định khá chặt chẽ theo thời gian biểu nhất định. Trong quá trình học tập, sinh viên được bao cấp toàn diện về sinh hoạt phí. Sau khi ra trường sinh viên được đảm bảo phân công công tác trong biên chế của lực lượng vũ trang nhân dân.

Mô hình lớp học cũng có sự khác biệt so với bên ngoài, được tập trung theo đơn vị trung đội. Quản lý theo điều lệnh của lực lượng vũ trang; thời gian sinh hoạt được qui định theo hiệu lệnh thống nhất. Với đặc điểm này, quá trình học tập và tích lũy kiến thức của mỗi cá nhân diễn ra độc lập tương đối, bởi quá trình này gắn liền với tập thể, mang tính đồng đội cao trong sẻ chia kiến thức và sẵn sàng hợp đồng chiến đấu của lực lượng vũ trang.

1.3.2. Cơ cấu và đặc điểm nhu cầu tin của sinh viên Học viện

Phần này được trình bày từ trang 53 đến trang 56 của luận văn có các nội dung sau:

Thông tin cho nhóm 1 sẽ bao gồm các tài liệu có liên quan tới nghiệp vụ kỹ thuật hình sự; lập hồ sơ điều tra các vụ án của mọi lĩnh vực khác nhau như, các vụ án dân sự, hình sự, kinh tế, và các vụ án ma túy; khám nghiệm hiện trường; xác minh dấu vết tội phạm; công nghệ cao.

Thông tin cho nhóm 2 có liên quan tới các vấn đề quản lý hành chính của ngành Công an đối với các công dân như, hộ khẩu hộ tịch; bằng lái xe; chứng minh thư...; quản lý và giám sát pháp luật giao thông đối với mọi phương tiện tham gia giao thông khác nhau; vũ trang; môi trường.

Thông tin cho nhóm 3 có liên quan tới khoa học giáo dục và cải tạo phạm nhân, cũng như quản lý phạm nhân tại các trạm giam.

Cả ba nhóm người dùng tin sinh viên trên, ngoài nhu cầu thông tin chung về các lĩnh vực kinh tế-chính trị-xã hội, đều có nhu cầu thông tin cao về khoa học pháp lý, pháp luật, tâm lý học. Đây có thể coi là một trong các đặc trưng cơ bản về nhu cầu tin của sinh viên Học viện. Đồng thời, đây cũng là một trong các nội dung vốn tài liệu cần được Trung tâm lưu ý, có định hướng chính sách bổ sung phù hợp, đặc biệt trong bối cảnh thực hiện lộ trình đổi mới toàn diện giáo dục đào tạo và Chuẩn đầu ra của Học viện. Trên cơ sở đó, cần xây dựng kế hoạch phát triển văn hoá đọc cho sinh viên Học viện, phù hợp với tiến trình và mục tiêu đổi mới giáo dục đào tạo mà Học viện đã đưa ra.

Chương 2

THỰC TRẠNG VĂN HÓA ĐỌC CỦA SINH VIÊN HỌC VIỆN CẢNH SÁT NHÂN DÂN

2.1.Nhu cầu, hứng thú đọc của sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân

Nhu cầu, hứng thú đọc của sinh viên Học viện được phân tích đánh giá căn cứ vào kết quả phiếu điều tra, tập trung vào 4 nội dung cơ bản sau: (1) Nhu cầu, hứng thú đọc theo nội dung tài liệu; (2) Nhu cầu, hứng thú đọc theo loại hình tài liệu; (3) Nhu cầu, hứng thú đọc theo ngôn ngữ tài liệu; (4) Tập quán sử dụng tài liệu của sinh viên Học viện

2.1.1. Nhu cầu, hứng thú đọc theo nội dung tài liệu

Nhu cầu, hứng thú đọc theo nội dung tài liệu của sinh viên Học viện được trình bày ở bảng 2.1.

Nhìn chung, nhu cầu, hứng thú đọc của sinh viên Học viện đối với tài liệu thuộc các lĩnh vực khoa học khác nhau có tỷ lệ khá cao, đều đạt trên 60% trở lên, ngoại trừ một số lĩnh vực như, ngoại ngữ-tin học và văn hóa nghệ thuật. Đây đồng thời cũng là điều kiện thuận lợi kích thích phát triển văn hoá đọc cho sinh viên Học viện

2.1.2. Nhu cầu, hứng thú theo loại hình tài liệu

Nhu cầu, hứng thú đọc theo loại hình tài liệu của sinh viên Học viện được trình bày ở Bảng 2.2. Theo đó, trong số các loại hình tài liệu, có 5 loại có tỷ lệ nhu cầu, hứng thú đọc chung của sinh viên Học viện khá cao, đều đạt trên 90%.

2.1.3. Nhu cầu, hứng thú theo ngôn ngữ tài liệu

Nhu cầu, hứng thú đọc theo ngôn ngữ tài liệu của sinh viên Học viện được trình bày ở bảng 2.3

Tóm lại, kết quả điều tra cho thấy sinh viên Học viện rất yếu về ngoại ngữ. Đây là một hạn chế khá lớn trong đảm bảo yêu cầu kỹ năng mềm được đưa ra trong Chuẩn đầu ra của Học viện. Đồng thời cũng là hạn chế của sinh viên Học viện trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế diễn ra nhanh chóng như hiện nay. Nguyên nhân của thực trạng này, một mặt, do tỷ lệ tài liệu ngoại văn nói chung trong vốn tài liệu thuộc Trung tâm còn khá nhỏ, hạn chế đáng kể nhu cầu, hứng thú đọc của sinh viên Học viện. Hơn nữa, số lượng tài liệu ngoại văn được bổ sung chỉ chiếm 1% trong tổng số tài liệu bổ sung hàng năm của Trung tâm. Mặt khác, môi trường học tập trong Học viện chưa khuyến khích phát huy thói quen sử dụng ngoại ngữ trong sinh hoạt, giao tiếp và học tập giữa sinh viên

2.1.4. Tập quán sử dụng tài liệu của sinh viên Học viện

Theo đó, tại Học viện, sinh hoạt của sinh viên được qui định bởi thời khóa biểu định sẵn và được quản lý nghiêm ngặt bởi các cán bộ phòng Quản lý Học viện. Thời gian biểu sinh hoạt và học tập học tập trong một ngày của sinh viên Học viện được trình bày ở bảng 2.4

Như vậy, có thể nói, thời gian sinh hoạt và học tập của sinh viên Học viện được bố trí theo một lộ trình định sẵn, khép kín, với qui định rõ ràng công việc cụ thể có sự quản lý giám sát nghiêm ngặt. Thời gian biểu này được lập theo điều lệnh Công an Nhân dân và những quy định của Bộ Công an, được lãnh đạo Học viện phê chuẩn. nếp sinh hoạt và học tập này đã tạo lập cho sinh viên thói quen sinh hoạt và học tập theo đúng giờ giấc, đồng thời hình thành phản xạ có ý thức của sinh viên hàng ngày.

2.2.Kỹ năng đọc và hiểu chính xác của sinh viên Học viện

2.2.1. Thói quen kỹ năng đọc của sinh viên Học viện

Theo số liệu bảng 2.5 nhìn chung, sinh viên Học viện chưa biết xác định mục đích đọc, họ đọc tài liệu như một thói quen cho đáp ứng yêu cầu trả bài khi lên lớp và khi đến các kỳ thi; chưa thích ứng được với việc đổi mới phương pháp học tập, thiếu khả năng chủ động tự học so với yêu cầu của học chế tín chỉ.

Chất lượng đọc của sinh viên Học viện được thể hiện thông qua việc họ biết sử dụng phương pháp đọc một cách khoa học ở mức nào. Kết quả khảo sát cho thấy, tỷ lệ chung về số sinh viên Học viện có phương pháp đọc khoa học chỉ chiếm chưa đầy 30%. Tuy nhiên, sinh viên thuộc nhóm 3, mặc dù, có tỷ lệ thấp nhất về xác định mục đích đọc, cũng như lập kế hoạch đọc cụ thể, nhưng nhóm này lại có tỷ lệ sinh viên biết sử dụng phương pháp đọc cao nhất, chiếm hơn 30% trong tổng số người được hỏi.

2.2.2. Khả năng lĩnh hội các giá trị nội dung trong tài liệu

Khả năng lĩnh hội các giá trị nội dung tài liệu của các nhóm sinh viên khác nhau thuộc Học viện được trình bày ở Bảng 2.6

Tóm lại, kỹ năng đọc và hiểu các giá trị nội dung tài liệu của sinh viên Học viện đã được hình thành, nhưng ở mức thấp. Đây là vấn đề đòi hỏi Trung tâm trong tương lai cần có định hướng cụ thể để hoàn thiện và phát triển kỹ năng cảm thụ, lĩnh hội các giá trị văn bản cho sinh viên Học viện, cũng như phát huy khả năng của họ trong việc áp dụng các kiến thức thu được vào thực tiễn cuộc sống, tích cực thúc đẩy quá trình phát triển văn hoá đọc, nhằm hỗ trợ đắc lực cho thực hiện đổi mới phương pháp học tập trong Học viện và Chuẩn đầu ra đối với sinh viên.

2.3. Ứng xử đối với tài liệu của sinh viên Học viện

2.3.1. Quan niệm, nhận thức đối với tài liệu của sinh viên

Quan niệm, nhận thức đối với tài liệu của sinh viên Học viện được thể hiện ở bảng 2.7 cho thấy, gần 100% sinh viên Học viện có quan niệm, nhận thức đúng đắn và tích cực về tài liệu. Với họ, tài liệu là vật lưu giữ thông tin và tri thức về những kinh nghiệm quý báu, những thành quả khoa học, được dày công tích lũy từ thế hệ này qua thế hệ khác. Chính vậy, với họ khi sử dụng tài liệu cần phải trân trọng và cẩn thận giữ gìn, cũng như cần được bảo quản và sử dụng

Tóm lại, quan niệm, nhận thức đúng đắn đối với tài liệu đã giúp sinh viên Học viện có thái độ rất đúng mực trong tiếp xúc với tài liệu, có tâm trạng, tình cảm tốt với tài liệu, phát sinh hứng

thú và nhu cầu sử dụng tài liệu. Đây đồng thời là yếu tố quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển văn hoá đọc trong sinh viên Học viện.

2.3.2. Thái độ và hành vi ứng xử đối với tài liệu của sinh viên Học viện

Kết quả khảo sát về thái độ và hành vi ứng xử đối với tài liệu của sinh viên Học viện được phản ánh trong Bảng 2.8. Theo đó, gần 100% sinh viên Học viện có thái độ và hành vi ứng xử đúng đắn đối với tài liệu trong quá trình đọc. Điều này cũng dễ hiểu, vì phần lớn sinh viên Học viện có quan niệm, nhận thức đúng về tài liệu như đã nói ở trên. Hơn nữa, đây cũng là thói quen thể hiện phẩm chất tư cách qui định của người chiến sỹ công an nhân dân, được rèn luyện bởi trọng trách của họ trong giữ gìn bí mật quốc gia và bí mật của Ngành, đã được quán triệt sâu sắc tới từng cá nhân sinh viên.

2.4. Các yếu tố tác động đến văn hóa đọc của sinh viên Học viện

2.4.1. Môi trường học tập của sinh viên Học viện

Như đã trình bày ở trên, mọi sinh hoạt và học tập của sinh viên Học viện được thực hiện theo đúng thời gian biểu quy định, có sự giám sát và kiểm tra chặt chẽ của cán bộ quản lý. Điều này có tác động khá tích cực tới sự hình thành thói quen tốt trong sinh viên Học viện. Đồng thời, đây cũng là yếu tố quan trọng có ảnh hưởng tích cực đến sự hình thành và phát triển văn hoá đọc trong sinh viên Học viện.

2.4.2. Đặc điểm xuất bản phẩm của Ngành

Như đã trình bày ở trên, đặc điểm xuất bản phẩm nói chung và xuất bản phẩm của Ngành nói riêng có tác động đáng kể tới nhu cầu, hứng thú đọc và kỹ năng đọc của sinh viên Học viện. Mặc dù, đọc điện tử hay đọc tài liệu in truyền thống đều có chung mục đích là, cung cấp thông tin đáp ứng nhu cầu đọc của sinh viên Học viện, nhưng hai loại hình tài liệu này đối với các xuất bản phẩm của ngành Công an cũng ít nhiều có sự tác động khác nhau tới văn hóa đọc của sinh viên Học viện.

2.4.3. Chức năng hoạt động thông tin-thư viện tại Học viện

Chức năng hoạt động thông tin-thư viện của Học viện được giao cho Trung tâm Thông tin Khoa học và Tài liệu Giáo khoa. Chức năng chủ yếu là tiếp nhận và xử lý hoạt động thông tin-thư viện trong đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa đọc cho sinh viên được tiếp cận trung phân tích đánh giá thông qua chức năng và tài liệu; chủ yếu là tiếp nhận và xử lý số liệu của các loại hình sản phẩm và dịch vụ thông tin-thư viện trong các phân hệ của sinh viên Học viện.

- (1) Thực trạng vốn tài liệu của Trung tâm
- (2) Các sản phẩm và dịch vụ thông tin-thư viện của Trung tâm
- (3) Tinh thần và thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ thuộc Trung tâm
- (4) Hoạt động đào tạo người dùng tin

2.4.4. Ảnh hưởng của công nghệ thông tin và truyền thông đến sinh viên Học viện

Có thể nói, ảnh hưởng của công nghệ thông tin và truyền thông tới sinh viên Học viện, chủ yếu, theo chiều hướng tích cực, bởi đã được sự quản lý chặt chẽ của các cấp lãnh đạo và quản lý của Học viện, được định hướng rõ ràng về các kênh thông tin và thời lượng sử dụng. Đây cũng là yếu tố tích cực cho phát triển văn hóa đọc trong sinh viên Học viện. (thể hiện bảng 2.26, từ trang 88 đến trang 89).

2.5. Nhận xét chung về khả năng phát triển văn hóa đọc cho sinh viên Học viện

2.5.1. Những điều kiện thuận lợi cho phát triển văn hóa đọc

Qua phân tích đánh giá thực trạng văn hóa đọc của sinh viên Học viện, có thể nhận định các điều kiện thuận lợi, hỗ trợ tích cực cho phát triển văn hóa đọc trong sinh viên thuộc Học viện, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Môi trường học tập của sinh viên Học viện được đảm bảo bởi sự quan tâm của lãnh đạo Học viện, qua việc xây dựng kế hoạch và lộ trình thực hiện đổi mới giáo dục đào tạo; ban hành Chuẩn đầu ra với các yêu cầu cụ thể, là căn cứ để sinh viên Học viện đặt kế hoạch tự phấn đấu;

- Hầu hết sinh viên Học viện đều có nhu cầu, hứng thú đọc đối với tài liệu thuộc các lĩnh vực khoa học khác nhau và có tỷ lệ khá cao, đạt trên 60% trở lên;

- nếp sinh hoạt và học tập của sinh viên Học viện được bố trí theo một lộ trình định sẵn, khép kín, với qui định rõ ràng, được quản lý và giám sát chặt chẽ. Điều này đã tạo lập cho sinh viên Học viện thói quen tốt, đồng thời hình thành phản xạ có ý thức trong sinh hoạt và học tập;

- Kỹ năng đọc và hiểu các giá trị nội dung tài liệu, về cơ bản, đã được hình thành trong sinh viên Học viện;

- Gần 100% sinh viên Học viện có ý thức đúng đắn trong thái độ ứng xử đối với tài liệu. Khi sinh viên có tâm trạng, có tình cảm tốt với tài liệu, thì chắc chắn sẽ phát sinh hứng thú đọc và nhu cầu sử dụng tài liệu sẽ gia tăng;

- Hoạt động thông tin-thư viện tại Học viện, có thể nói, đã đảm bảo chất lượng và hiệu quả. Thể hiện ở mức độ đầy đủ của vốn tài liệu; hiệu quả đáp ứng nhu cầu đọc; chất lượng và mức thân thiện của bộ máy tra cứu tin; chất lượng và hiệu quả đáp ứng của các loại hình sản phẩm và dịch vụ thông tin-thư viện; tinh thần và thái độ phục vụ nhiệt tình của đội ngũ cán bộ Trung tâm;

- Công tác đào tạo và hướng dẫn người dùng tin được Trung tâm quan tâm, đồng thời cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động tuyên truyền văn hóa đọc, nhằm hỗ trợ kích thích phát triển nhu cầu và hứng thú đọc, cũng như cung cấp các kỹ năng đọc cho sinh viên Học viện;

- Ảnh hưởng của công nghệ thông tin và truyền thông đối với sinh viên Học viện, chủ yếu, mang tính tích cực, bởi đã được sự quản lý chặt chẽ của các cấp lãnh đạo và quản lý của Học viện, được định hướng rõ ràng về nội dung, cũng như các kênh thông tin và thời lượng sử dụng.

2.5.2. Những khó khăn trong phát triển văn hóa đọc cho sinh viên

Bên cạnh những điều kiện thuận lợi trong thúc đẩy phát triển văn hóa đọc sinh viên, hiện tại, Học viện vẫn còn gặp một số khó khăn cả chủ quan và khách quan, phần nào hạn chế khả năng phát triển văn hóa đọc sinh viên tại Học viện. Cụ thể:

- Một số điểm mạnh hỗ trợ cho hình thành và phát triển văn hóa đọc sinh viên Học viện như đã đề cập ở trên, đồng thời cũng mang tính hai mặt. Mặt trái của nếp sinh hoạt và

học tập của sinh viên Học viện, phần nào cũng hạn chế nhu cầu và hứng thú đọc của sinh viên, bởi không phải lúc nào họ cũng có thể thỏa mãn được nhu cầu đọc của mình;

- Tập quán phân phối tài liệu học tập của Học viện, cũng phần nào ảnh hưởng tới sự phát triển nhu cầu tin của sinh viên, bởi thói quen sử dụng tài liệu sẵn có theo khung cố định, lâu dần hình thành tâm lý ngại tìm kiếm tài liệu cho mở rộng kiến thức, mai một ý thức tìm tòi, nghiên cứu tài liệu có liên quan về lĩnh vực cần quan tâm theo yêu cầu của môn học;

- Các xuất bản phẩm của ngành Công an cấp cho Thư viện khá đơn điệu, đa số là tài liệu tiếng Việt với sự hạn chế về số lượng bản. Hơn nữa, tài liệu chuyên ngành Công an không được phổ biến rộng rãi, kênh thông tin để tìm tài liệu tham khảo đáp ứng yêu cầu học tập nghiệp vụ của sinh viên Học viện còn hạn hẹp. Điều này dẫn tới việc thu hẹp nhu cầu, hứng thú đọc của sinh viên, ảnh hưởng tiêu cực tới việc phát triển văn hoá đọc trong sinh viên Học viện;

- Sản phẩm và dịch vụ thông tin - thư viện của Trung tâm chưa đa dạng và phong phú, đa phần là sản phẩm và dịch vụ truyền thống, thiếu các sản phẩm thông tin có giá trị gia tăng. Ấn phẩm “Thông báo sách mới”, tuy được biên soạn đều đặn theo định kỳ, nhưng khâu phát hành còn chậm. Các CSDL chưa được hiệu đính thường xuyên, phần nào giảm chất lượng thông tin. Hơn nữa, còn có hạn chế về tính thân thiện của các CSDL trong tra cứu tin.

- Trình độ ngoại ngữ của sinh viên Học viện khá yếu. Đây là khó khăn quan trọng, hạn chế nhu cầu, hứng thú đọc tài liệu ngoại văn của sinh viên, đặc biệt là, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế diễn ra nhanh chóng như hiện nay, ảnh hưởng không nhỏ tới yêu cầu đạt Chuẩn đầu ra của sinh viên Học viện về các kỹ năng mềm sinh viên cần có;

- Đội ngũ cán bộ Trung tâm, tuy đông về số lượng, nhưng chất lượng chưa cao. Số cán bộ trong biên chế có nhiệt tình, tâm huyết với công việc, nhưng phần lớn giàu kinh nghiệm hoạt động thư viện truyền thống, chưa nắm bắt được xu thế hoạt động thông tin-thư viện hiện đại. Hơn nữa, trong số đó, những cán bộ lớn tuổi còn có hạn chế nhất định trong tiếp thu công nghệ mới, nhất là công nghệ thông tin và truyền thông;

- Cơ sở vật chất và trang thiết bị cho hoạt động thông tin-thư viện, tuy được trang bị khá đầy đủ, nhưng chưa đảm bảo chất lượng do đã sử dụng quá lâu, chưa được nâng cấp và thay thế; phần mềm tra cứu tin Libol 5.0 đã lỗi thời và kém chất lượng, hạn chế tốc độ và chất lượng tìm kiếm thông tin; hệ thống phòng đọc của Trung tâm còn tổ chức theo phương thức truyền thống, chưa có thiết bị phục vụ đa phương tiện, diện tích sử dụng còn nhỏ hẹp chưa đáp ứng được nhu cầu của sinh viên Học viện trong tạo lập không gian cho học nhóm, hội thảo ... Kinh phí dành cho bổ sung các loại hình tài liệu, đặc biệt là, tài liệu điện tử, báo, tạp chí ngoại văn, còn chưa thỏa đáng.

Trên đây là những phân tích đánh giá chi tiết các điều kiện thuận lợi và khó khăn trong thực hiện phát triển văn hóa đọc cho sinh viên Học viện. Trên cơ sở này, tác giả Luận văn mạnh dạn đề xuất các giải pháp cụ thể làm căn cứ để Học viện xem xét trong phát huy những điểm mạnh, khắc phục những khó khăn để việc phát triển văn hóa đọc cho sinh viên tại Học viện đạt được hiệu quả cao.

Chương 3

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN VĂN HÓA ĐỌC CHO SINH VIÊN

TẠI HỌC VIỆN CẢNH SÁT NHÂN DÂN

3.1. Xây dựng và phát triển nguồn lực thông tin – thư viện

3.1.1. Xây dựng chính sách bổ sung phù hợp và hình thức và nội dung vốn tài liệu thư viện

Trung tâm cần xem xét lại diện bổ sung và xây dựng chính sách bổ sung theo hướng bám sát, phù hợp với các đề cương môn học theo tín chỉ đã được Học viện phê duyệt. Phải thường xuyên cập nhật danh mục tài liệu bắt buộc và danh mục tài liệu tham khảo mà sinh viên cần đọc thêm đối với từng môn học. Trên cơ sở đó, chủ động tìm các nguồn tài liệu thích hợp cho bổ sung bằng nhiều hình thức khác nhau;

Về loại hình tài liệu, Trung tâm cần tăng cường bổ sung các loại hình tài liệu điện tử, tài liệu được số hóa, tài liệu ngoại văn, cũng như giáo trình và sách tham khảo. Đặc biệt, cần tăng cường bổ sung các tài liệu trực quan và các phim chuyên án. Bởi vì, đây là những loại hình tài liệu hết sức đặc thù, hỗ trợ đắc lực cho quá trình tự học, tự nghiên cứu chuyên ngành của sinh viên Học viện.

Về nội dung vốn tài liệu, Trung tâm cần có kế hoạch cụ thể cho bổ sung tài liệu, đảm bảo sự hài hòa giữa các lĩnh vực khoa học, nâng tỷ lệ bổ sung tài liệu ở các lĩnh vực chuyên ngành, đồng thời đảm bảo sự bổ sung tài liệu cân đối giữa các chuyên ngành, phù hợp với yêu cầu môn học và số lượng sinh viên.

3.1.2. Tăng cường liên kết và chia sẻ nguồn lực thông tin

Trước mắt, Trung tâm cần tăng cường liên kết và chia sẻ nguồn lực thông tin với các trường đại học và cao đẳng trong và ngoài nước trong đáp ứng nhu cầu về tài liệu học tập của các môn học đại cương.

Ngoài ra, Trung tâm cũng có thể phối hợp bổ sung nguồn lực thông tin, nhất là, nguồn tài liệu điện tử, thông qua việc mua bán, trao đổi CSDL thư mục, CSDL toàn văn, CSDL chuyên ngành

3.2. Đa dạng hóa các loại hình sản phẩm và dịch vụ thông tin – thư viện

3.2.1. Hoàn thiện và nâng cao chất lượng các sản phẩm và dịch vụ thông tin-thư viện hiện có

Đối với ấn phẩm “Thông báo sách mới” cần hoàn thiện chất lượng trình bày về hình thức và nội dung thư mục các tài liệu trong ấn phẩm sao cho thu hút được người dùng và dễ dàng tra cứu được thông tin cần quan tâm. Đồng thời, cần cải tiến khâu phát hành để ấn phẩm tới tay người dùng nhanh chóng, kịp thời cung cấp thông tin về tài liệu mới được bổ sung vào Thư viện.

Đối với các CSDL hiện có, cần có kế hoạch cụ thể cho rà soát hiệu đính thông tin các biểu ghi. Loại bỏ các biểu ghi trùng, sửa chữa thông tin chưa chuẩn xác trong các trường thông tin. Đồng thời, cần nâng cấp phần mềm quản trị CSDL, tăng cường tính thân thiện cho tra cứu thông tin của người dùng.

Đối với dịch vụ đa phương tiện, Trung tâm cần tăng cường bổ sung nguồn tài liệu điện tử đa phương tiện, đặc biệt là, nguồn phim chuyên án và các tài liệu trực quan, phục vụ cho học tập nghiệp vụ của sinh viên Học viện. Ngoài ra, cần có các chỉ dẫn rõ ràng về quyền, trách nhiệm và mức được phép khai thác các nguồn tin, cũng như chủ động cung cấp các điều kiện thuận lợi cho sinh viên Học viện tìm kiếm, khai thác và sử dụng thông tin điện tử.

3.2.2. Phát triển sản phẩm và dịch vụ thông tin-thư viện mới

Bên cạnh các sản phẩm thông tin-thư viện truyền thống, Trung tâm cần phải có kế hoạch xây dựng và phát triển các sản phẩm thông tin-thư viện hiện đại và có giá trị gia tăng cao, như: Ấn phẩm tóm tắt nội dung tài liệu theo chuyên đề; tài liệu tổng quan; tổng luận... Đồng thời, cần phát triển các loại hình dịch vụ thông tin-thư viện mới, như: Dịch vụ hỏi-đáp; dịch vụ tìm tin; dịch vụ cung cấp thông tin chọn lọc; dịch vụ cung cấp thông tin theo yêu cầu; hội thảo khoa học; nói chuyện chuyên đề; dịch vụ trao đổi và tư vấn thông tin; giao lưu trực tuyến... Đây là các dịch vụ giúp sinh viên Học viện tìm và chọn lọc thông tin phù hợp với nhu cầu của mình một cách dễ dàng, thuận tiện và nhanh chóng, giảm thiểu thời gian tìm kiếm thông tin, đồng thời cung cấp cho sinh viên các thông tin có tính tổng hợp và chọn lọc cao

3.3. Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền văn hóa đọc

3.3.1. Các hình thức tuyên truyền văn hóa đọc tại Học viện

Đối với “Hội nghị độc giả”, Trung tâm cần đổi mới hơn nữa về hình thức tổ chức, nhằm thu hút sinh viên Học viện tích cực tham gia, có thể kết hợp tổ chức Hội nghị độc giả với hoạt động văn nghệ, hoạt động vui chơi giải trí có liên quan tới kiến thức về chuyên đề nào đó, hoặc bàn luận về một vấn đề thời sự nào đó mà mọi người đang rất quan tâm.

Đối với Triển lãm sách có thể kết hợp giao lưu giữa sinh viên Học viện với tác giả, với các nhà văn hóa xuất chúng... Thông qua đó, nâng cao hiệu quả tuyên truyền và phát triển văn hóa đọc cho sinh viên thuộc Học viện.

Đối với hoạt động Giới thiệu sách, ngoài việc tổ chức cho sinh viên giao lưu với tác giả của cuốn sách được giới thiệu, nên có sự giao lưu, trao đổi giữa các sinh viên Học viện về kỹ năng đọc, kỹ năng lĩnh hội các giá trị nội dung được chuyển tải trong cuốn sách đó, cách nhận biết và đúc rút những thông điệp chính của cuốn sách đó, cũng như áp dụng kiến thức thu được vào thực tiễn.

3.3.2. Nội dung các hoạt động tuyên truyền văn hóa đọc tại Học viện

Đối với các nhóm tân sinh viên, nội dung đào tạo, hướng dẫn cần tập trung vào giới thiệu khái quát về Học viện, về Trung tâm, về cơ cấu và tổ chức Thư viện, về nội dung vốn tài liệu, các loại hình sản phẩm và dịch vụ thông tin-thư viện hiện có, về nội qui Thư viện...

Đối với các nhóm sinh viên các khóa khác nhau thuộc Học viện, tùy thuộc vào mức độ, khả năng về kiến thức thông tin của họ mà đưa ra các nội dung đào tạo phù hợp. Nội dung đào tạo, hướng dẫn đối với nhóm sinh viên này, cần tập trung chủ yếu vào truyền đạt phương pháp đọc khoa học cho sinh viên. Cần rèn luyện và phát triển kỹ năng đọc, khả năng cảm thụ và lĩnh hội sâu sắc các giá trị nội dung tài liệu qua các hình thức tuyên truyền và phát triển văn hóa đọc khác nhau, như: Thảo luận về nội dung sách; trao đổi các vấn đề đặt ra trong các tài liệu đã đọc; tổ chức các cuộc thi nghiên cứu khoa học cho sinh viên để giải

quyết một tình huống cụ thể nào đó trong thực tiễn... Điều này sẽ giúp sinh viên lĩnh hội sâu sắc hơn, nhuần nhuyễn hơn các kiến thức đã đọc, tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên phát triển khả năng vận dụng các tri thức đã tiếp thu được trong sách vở vào các hoạt động sống của mình

3.4. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ thông tin – thư viện

3.4.1. Yêu cầu đối với đội ngũ cán bộ thư viện trong phát triển văn hóa đọc tại Học viện

Với vai trò là người hỗ trợ cho giảng viên, cán bộ thư viện cần tư vấn cho sinh viên trong xác định cụ thể nhu cầu tin của mình; xác định các nguồn tin liên quan đến môn học; hướng dẫn các nguồn tin cần truy cập để thu thập thông tin cần thiết (truyền thống + điện tử); xây dựng các chiến lược tìm tin và áp dụng chúng vào việc tìm kiếm thông tin thông qua bộ máy tra cứu tin của Thư viện; định hướng địa chỉ các trang Web có liên quan.

3.4.2. Nội dung nâng cao trình độ cán bộ thư viện cho phát triển văn hoá đọc tại Học viện

Về kiến thức chuyên môn nghiệp vụ: Cán bộ thông tin-thư viện cần được tăng cường đào tạo, bồi dưỡng về ngôn ngữ tư liệu trong công tác biên mục, xử lý thông tin; cung cấp các kiến thức đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa về nghiệp vụ; trang bị kiến thức về thông tin học; tin học tư liệu; kiến thức về phân tích và thiết kế hệ thống thông tin; rèn luyện kỹ năng về tra cứu tin bằng các phương tiện hiện đại; các kiến thức cần thiết cho thiết kế, biên soạn và phát hành các ấn phẩm thông tin

Về ngoại ngữ: Cần đào tạo cán bộ thông tin-thư viện ở trình độ ngoại ngữ nhất định, để có thể xử lý và khai thác các tài liệu ngoại văn. Đối với cán bộ thuộc Trung tâm hiện nay, nên chú trọng đào tạo tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng Trung để có thể trực tiếp khai thác và xử lý nội dung thông tin từ mạng Internet cho tăng cường nguồn lực thông tin, cũng như tạo khả năng giao lưu và hội nhập quốc tế.

Về công nghệ: Cán bộ thông tin-thư viện cần được đào tạo tin học ở trình độ nhất định, đáp ứng yêu cầu làm chủ các phương tiện kỹ thuật hiện đại thuộc Trung tâm như: Ứng dụng phần mềm tích hợp; quản trị mạng LAN, WAN và Internet. Có kế hoạch cử cán bộ đào tạo bồi dưỡng chuyên sâu về quản trị mạng tin học tư liệu, để có thể quản lý tốt các Module trong hệ thống thông tin tích hợp thuộc Trung tâm

3.5. Một số điểm mạnh của phương pháp giáo dục đào tạo mới cần phát huy tại Học viện

Quyền được lựa chọn môn học; quyền đăng ký học thêm các môn học không bắt buộc; quyền lựa chọn thời gian học linh hoạt, theo đúng nghĩa đáp ứng nhu cầu bổ sung kiến thức lấp hồng của từng sinh viên với định hướng phát triển ngành nghề sau này của bản thân họ. Trong thời gian học chính khóa, sinh viên cũng có thể đăng ký học thêm ngoại ngữ, tin học, hoặc tham gia học văn bằng 2 về một chuyên ngành khác.

Tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy các điểm mạnh của phương thức đào tạo theo niên chế, đồng thời tăng cường khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên. Để đáp ứng được yêu cầu này, sinh viên phải tìm kiếm và nghiên cứu tài liệu về vấn đề đã định trước khi lên lớp.

Tăng cường đổi mới phương pháp học tập theo hướng tăng thời gian tự học, tự nghiên cứu của sinh viên Học viện. Điều này có nghĩa là, sinh viên phải tự học ngay trên lớp, lên lớp là làm việc thực sự, chứ không phải là “*đi nghe giảng, dự giờ*”. Muốn tự học trên lớp có hiệu quả, sinh viên phải tự tham khảo tài liệu trước.

Áp dụng các hình thức tích cực trong đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo hướng khuyến khích, động viên sinh viên tích cực chủ động và sáng tạo tham gia quá trình đào tạo.

KẾT LUẬN

Vấn đề văn hóa đọc Việt Nam và trên thế giới, hiện đang được cộng đồng xã hội hết sức quan tâm nghiên cứu, bởi các lợi ích mà văn hóa đọc mang lại cho sự phát triển của mỗi quốc gia.

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về văn hóa đọc cho thấy, thuật ngữ "*Văn hóa đọc*" là khái niệm mới được xây dựng, chưa được thống nhất về định nghĩa. Tuy nhiên, có thể khẳng định rằng, văn hóa đọc là một bộ phận cấu thành văn hóa của con người, được trao truyền qua nhiều thế hệ. Nói cách khác, văn hóa đọc chứa đựng những giá trị văn hóa của thế hệ trước truyền lại cho thế hệ sau. Đó là nền tảng, là cơ sở cho sự phát triển những ý tưởng sáng tạo, góp phần nâng cao dân trí, phát triển nhân tài.

Mặc dù, thuật ngữ "*Văn hóa đọc*" được hiểu khác nhau, nhưng ở góc độ thư viện học, "*Văn hóa đọc*" được hiểu là một bộ phận trong văn hoá của mỗi cá nhân, bao gồm một tổ hợp các thói quen làm việc với sách từ việc chọn lựa có ý thức về đề tài, tính hệ thống và tính kế thừa, kỹ năng biết tìm các tài liệu cần thiết với sự giúp đỡ của các ấn phẩm thư mục, sử dụng bộ máy tra cứu, định hướng trong tài liệu với mục đích lĩnh hội tối đa và cảm thụ sâu sắc những gì đã đọc, đến việc áp dụng những nội dung lĩnh hội qua đọc các lĩnh vực hoạt động của mình, làm phong phú thêm đời sống.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng văn hóa đọc sinh viên Học viện, Luận văn đã đưa ra các giải pháp cơ bản, phù hợp với thực tiễn của Học viện, tập trung chủ yếu vào việc nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động thông tin-thư viện; đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền phát triển văn hóa đọc tại Học viện, thông qua các hình thức và nội dung khác nhau, căn cứ vào đặc điểm sinh viên thuộc Học viện, cũng như môi trường đào tạo của Học viện. Đặc biệt, Luận văn cũng đề xuất áp dụng tại Học viện phương pháp giáo dục đào tạo mới, nhằm đáp ứng tối đa yêu cầu của học chế tín chỉ và Chuẩn đầu ra đối với sinh viên Học viện. Thực hiện phương pháp giáo dục đào tạo mới này, một mặt, thúc đẩy phát triển văn hóa đọc cho sinh viên Học viện, thông qua việc kích thích phát triển nhu cầu và hứng thú đọc trong sinh viên. Mặt khác, đòi hỏi phải đổi mới hoạt động thông tin-thư viện về chất, để có thể đáp ứng được nhu cầu và hứng thú đọc của các nhóm sinh viên khác nhau thuộc Học viện.

Hiệu quả phát triển văn hóa đọc sinh viên tại học viện, cũng như việc áp dụng thành công phương pháp giáo dục đào tạo mới tại Học viện, phụ thuộc rất nhiều vào quan điểm chủ trương của các cấp lãnh đạo Học viện, vào ý thức trách nhiệm trong phối hợp hoạt động của các tổ chức, đoàn thể, cũng như sự nỗ lực của từng cá nhân sinh viên trong Học viện. Đặc biệt, phụ thuộc vào sự chủ động, linh hoạt và sáng tạo của Trung tâm trong xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động, nhằm hỗ trợ đắc lực cho thực hiện lộ trình đổi mới toàn diện giáo dục đào tạo, cũng như đáp ứng yêu cầu Chuẩn đầu ra của sinh viên Học viện./.